

4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên khác	1					1							

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Cán bộ quản lý: 3 , xếp loại tốt: 2 đ/c đạt 66,7%; xếp loại khá 1 đ/c đạt 33,3%

Giáo viên: 26, xếp loại tốt: 24 đ/c đạt 92%; xếp loại khá 2 đ/c đạt 8%

c) số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

2. Thông tin về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	2,4 m ² /trẻ
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	4	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	11.200,5 m²	374,9 m²/trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1800m²	6,02 m²/trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	900 m ²	3,01 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	225 m ²	0,74 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	210 m ²	0,70 m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	65 m ²	0,21 m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	80 m ²	

VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		8	8/12		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo qui định		8	8/12		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo so với qui định		7	7/12		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		59			
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy kỹ thuật số v.v)		0			
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)					
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng m ² /trẻ em				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	12/12	0	0,6m ² /0,6m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

* (Theo Thông tư số 52/2020/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành điều lệ trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT - BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X

Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	✓
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 3

Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

Kết quả tự đánh giá trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3

Trong báo cáo tự đánh giá của trường hằng năm, sau mỗi tiêu chí nhà trường đều đưa ra kế hoạch cải tiến chất lượng cụ thể.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hằng năm

Quyết định số 2570/QĐ-SGDĐT ngày 24/11/2021 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Nông về việc cấp chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 cho trường mầm non Hoa Mai huyện Đắk R'Lấp;

Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 cho trường mầm non Hoa Mai huyện Đắk R'Lấp;

Điều 7. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh số 02/KH-MNHN ngày 19/6/2024

Thông báo tuyển sinh số 01/TB-MNHN ngày 1/7/2024 được đăng trên website của nhà trường

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Kế hoạch số 13/KH-MNHN ngày 4/10/2024 của trường MN Hoa Mai về chăm sóc nuôi dưỡng năm học 2024-2025

Kế hoạch số 14/KH-MNHN ngày 4/10/2024 của trường MN Hoa Mai về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2024-2025

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em

Thực đơn được xây dựng và đăng lên website của nhà trường

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp

Tổng số trẻ em: 361 trẻ/14 lớp, bình quân 25 trẻ/lớp

b) Số trẻ học nhóm/lớp ghép: 81 trẻ

c) Số trẻ em học 2 buổi/ngày: 361 trẻ

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 329 trẻ

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 361 trẻ

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

g) Số trẻ em trẻ khuyết tật: 2 trẻ

3. Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đồng thời tích hợp chương trình giáo dục STEM,STEAM, Montessori một cách hài hòa vào chương trình giáo dục của nhà trường với tỉ lệ 100% trẻ